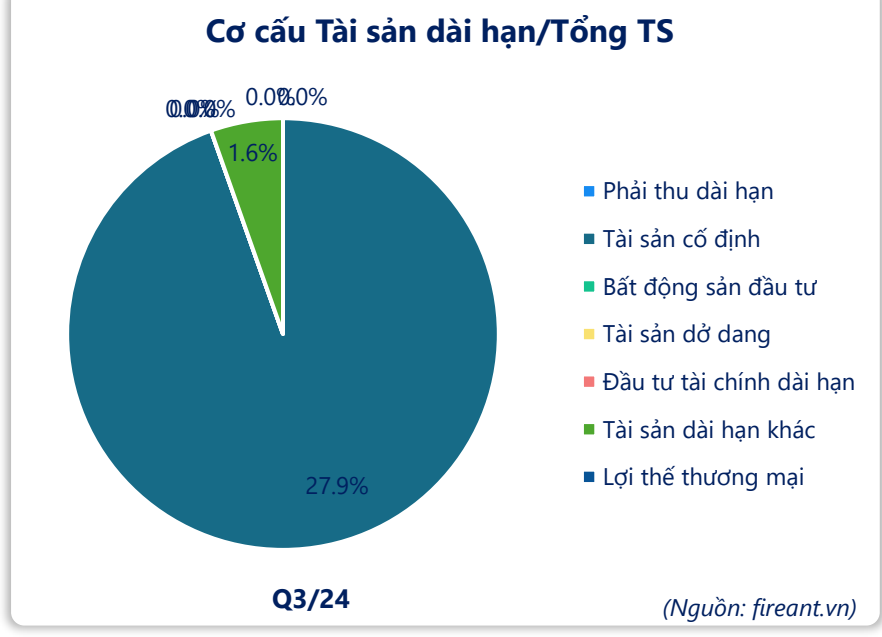
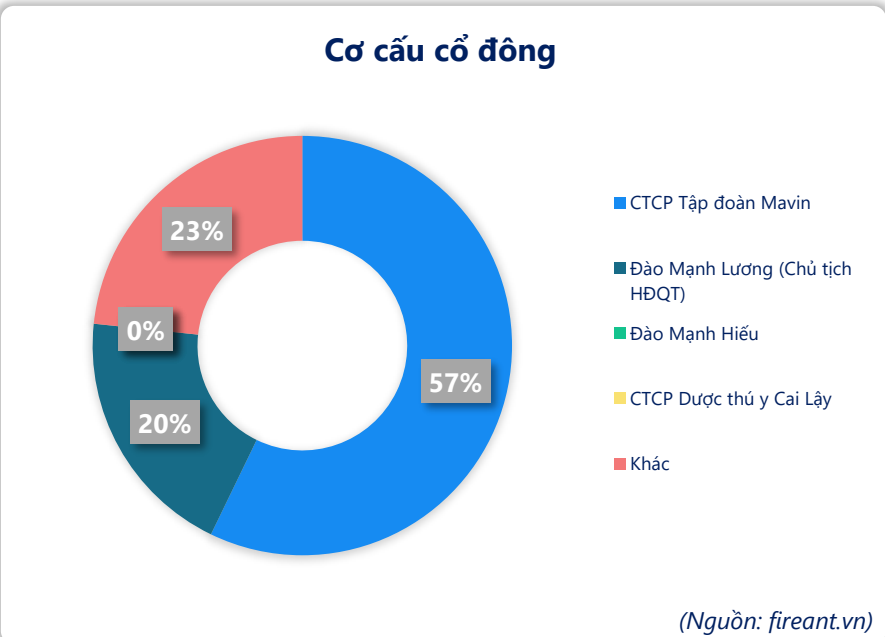
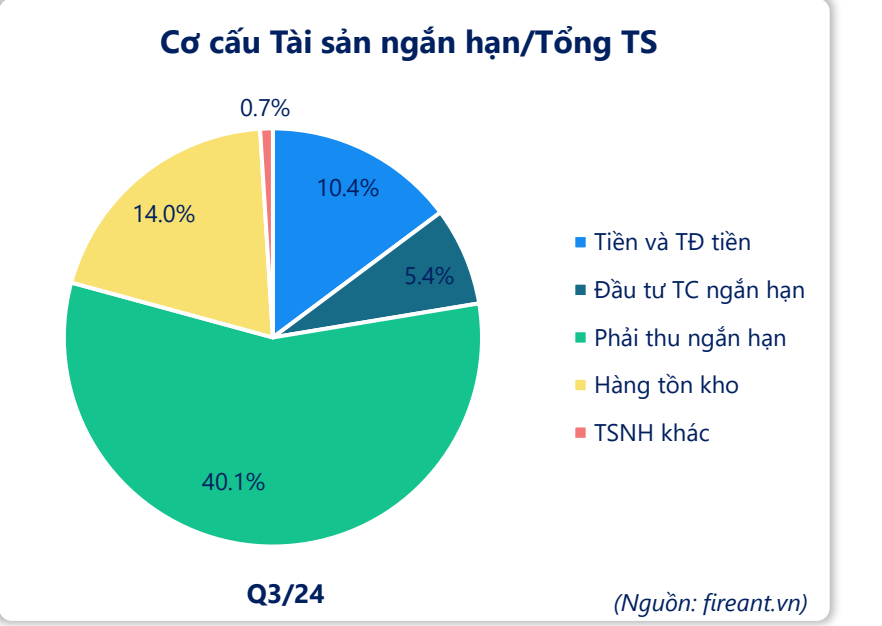
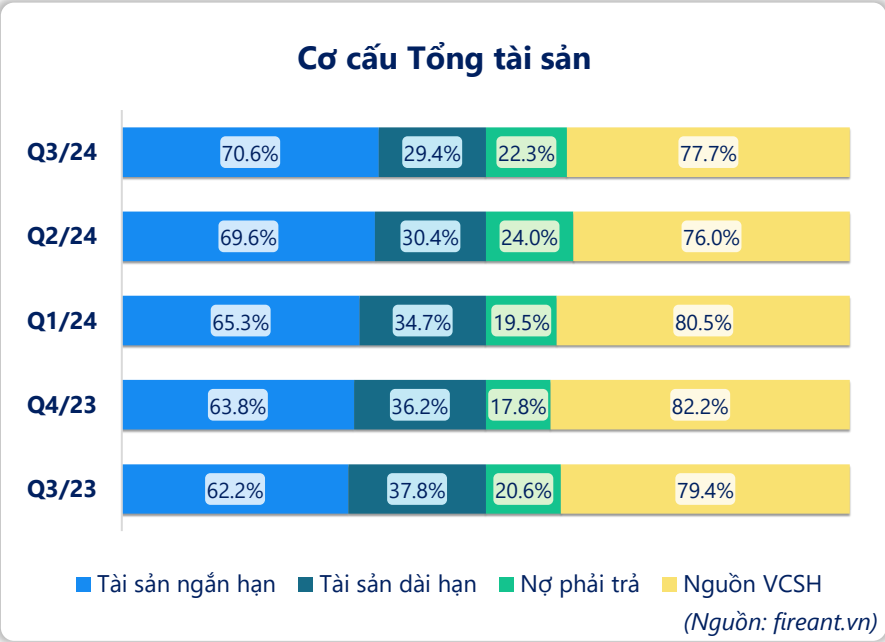
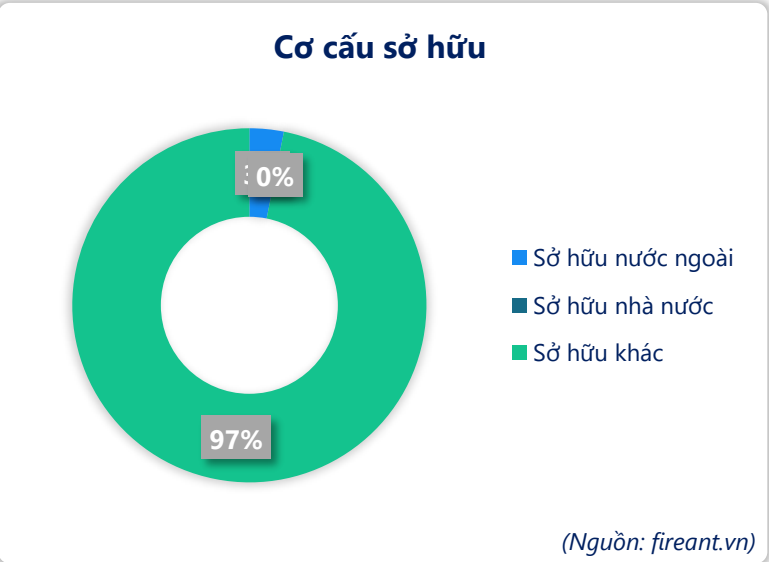
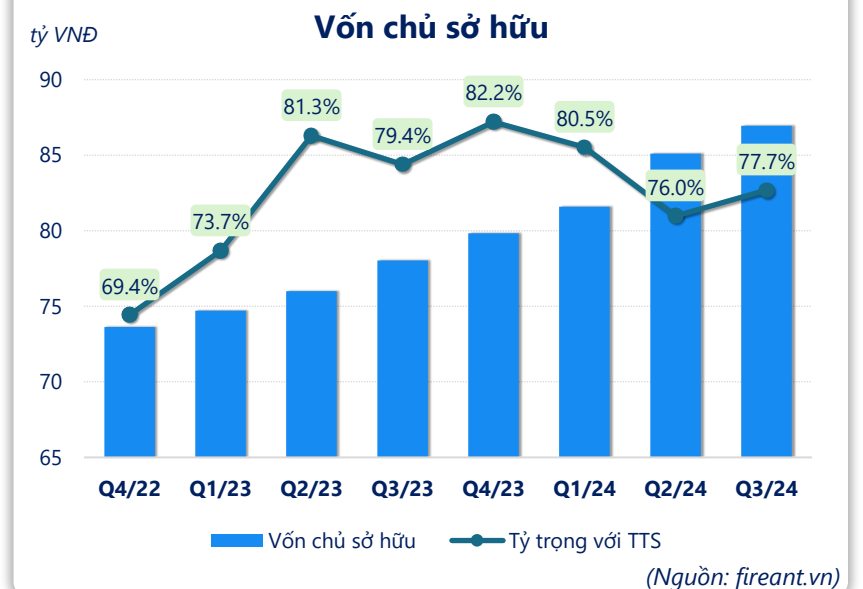
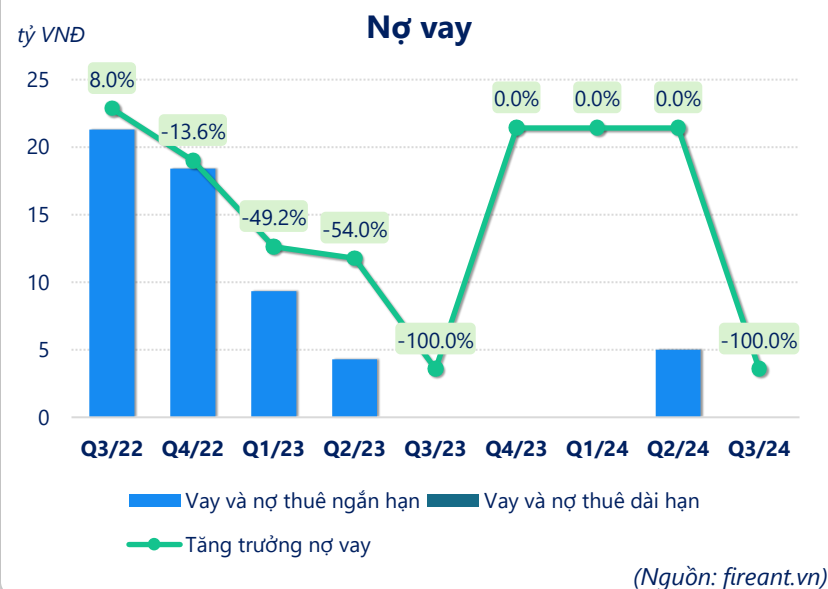
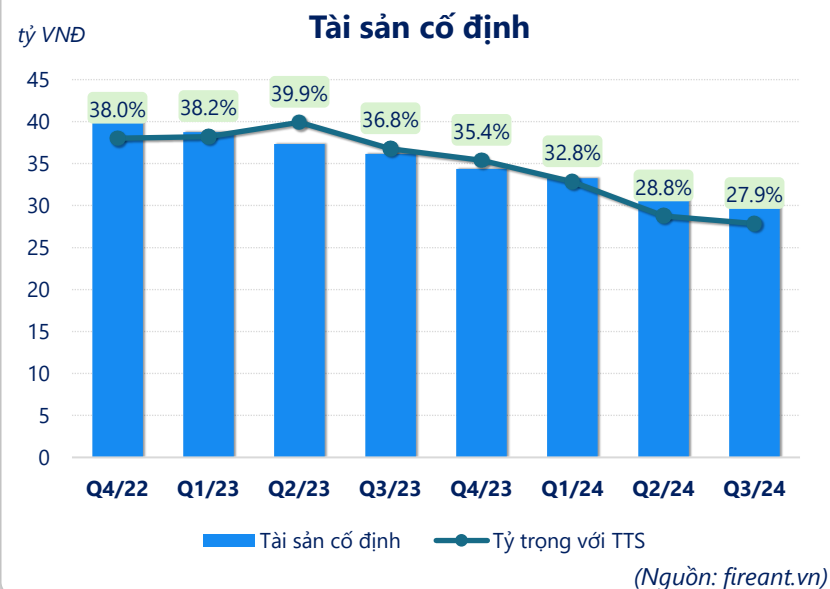
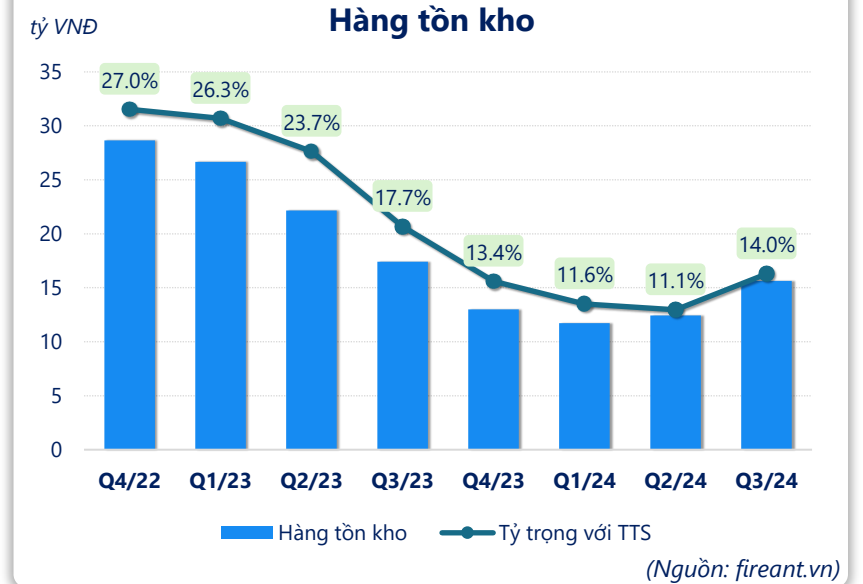
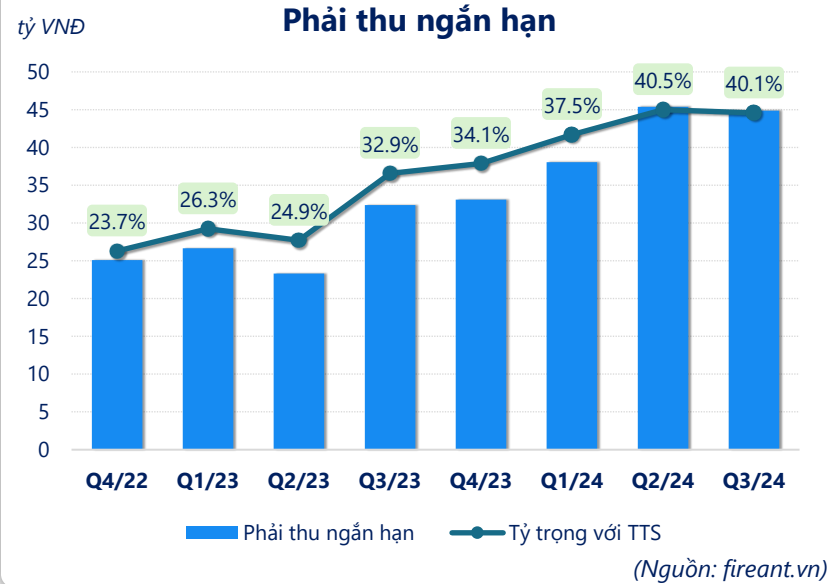
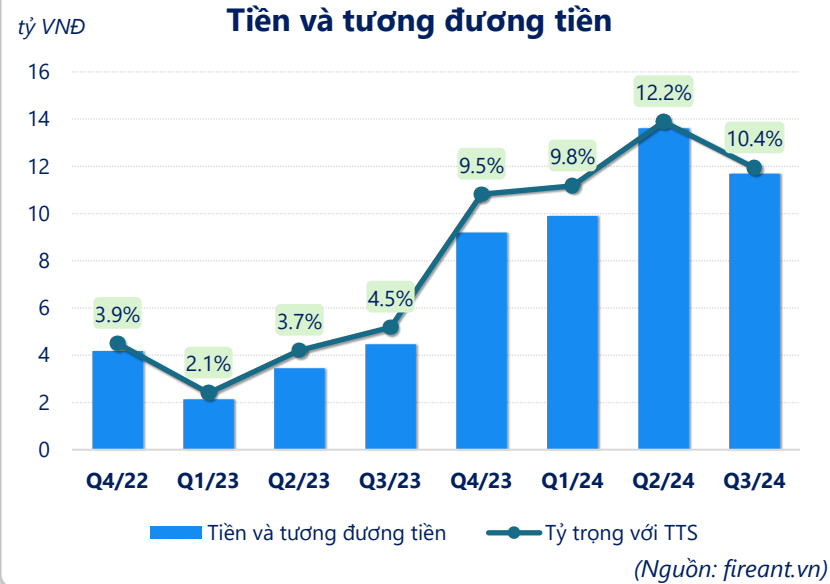
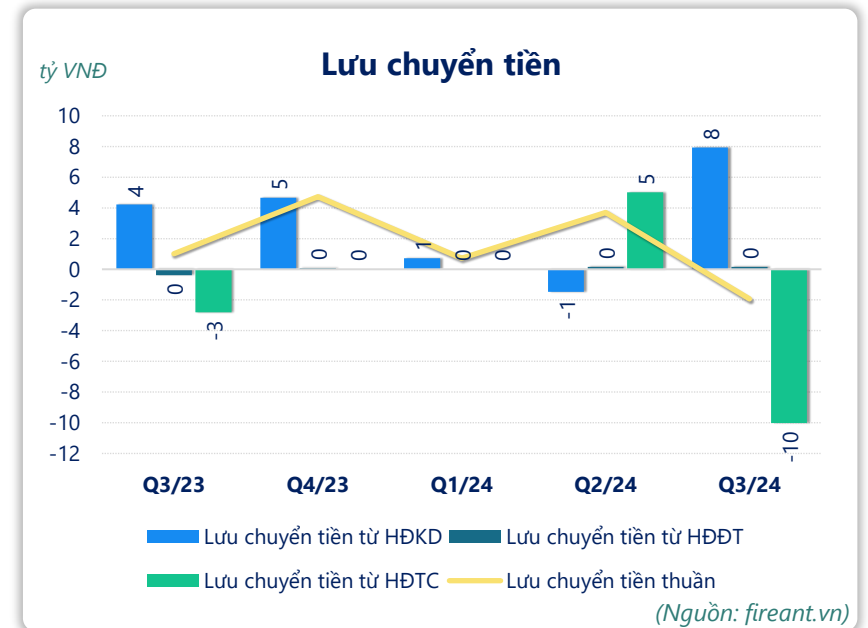
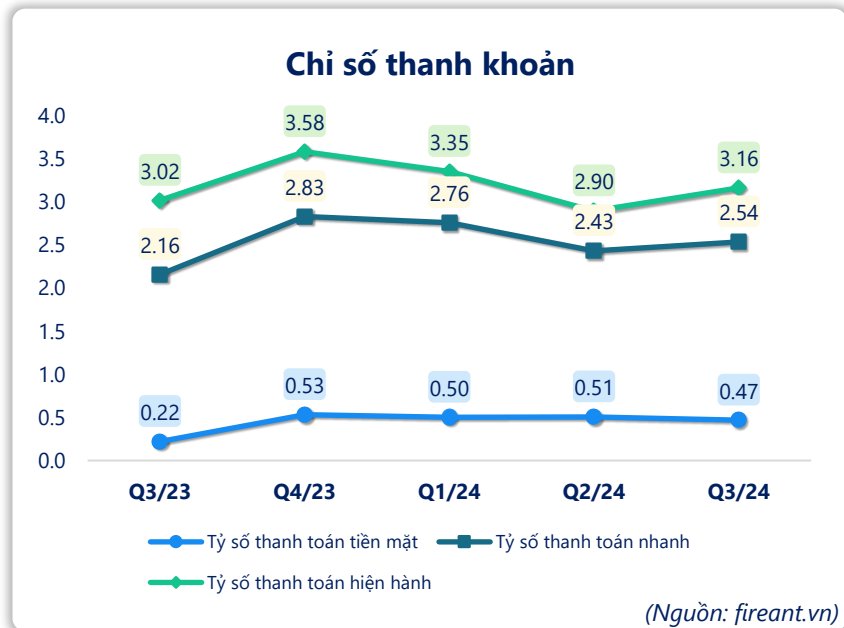
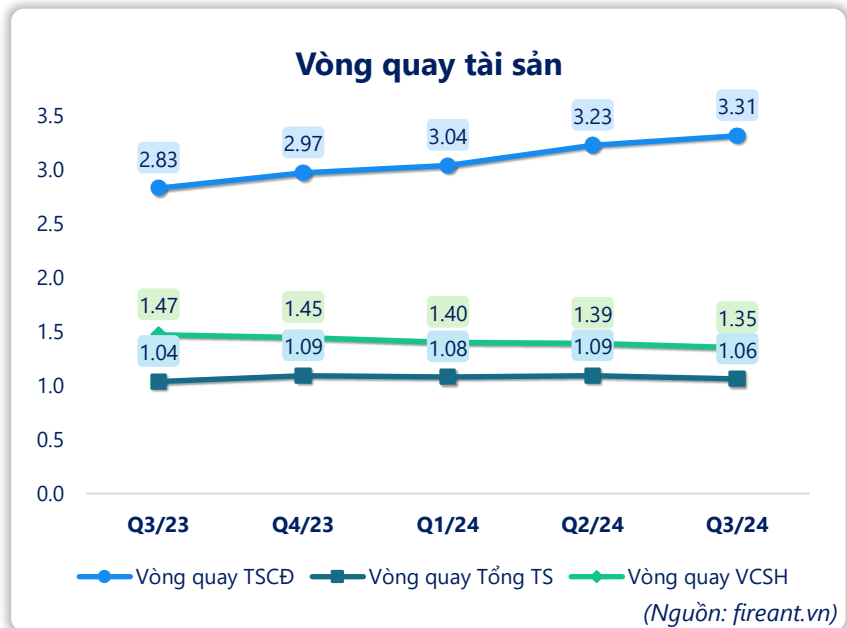
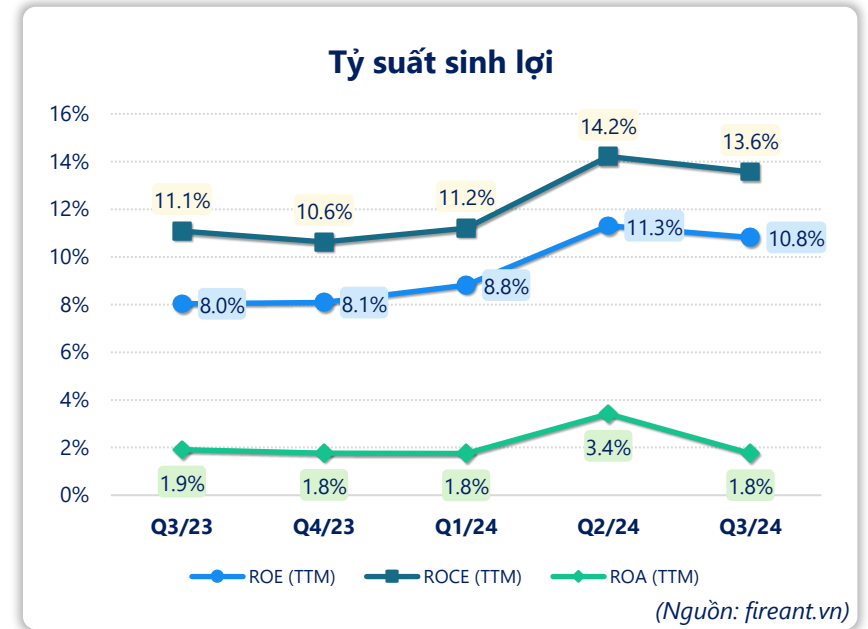
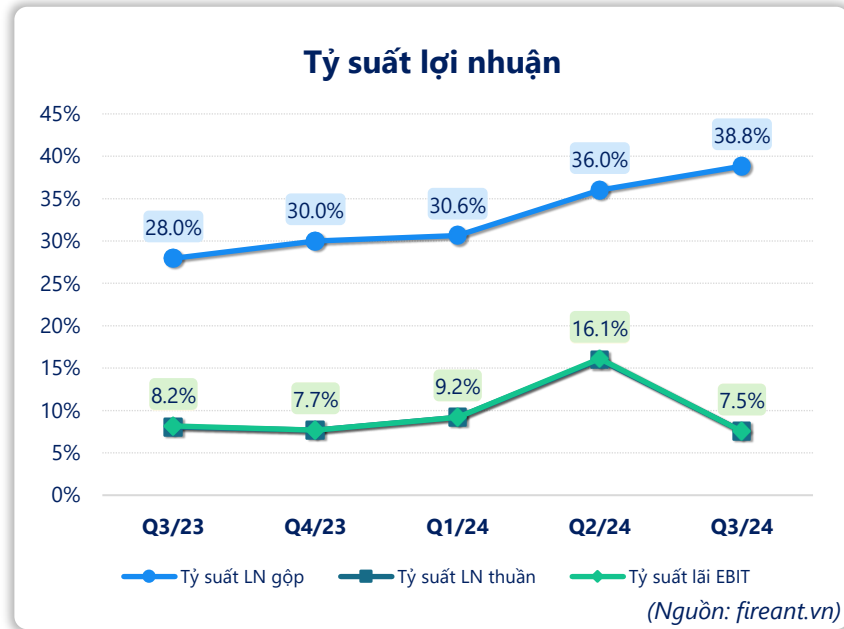
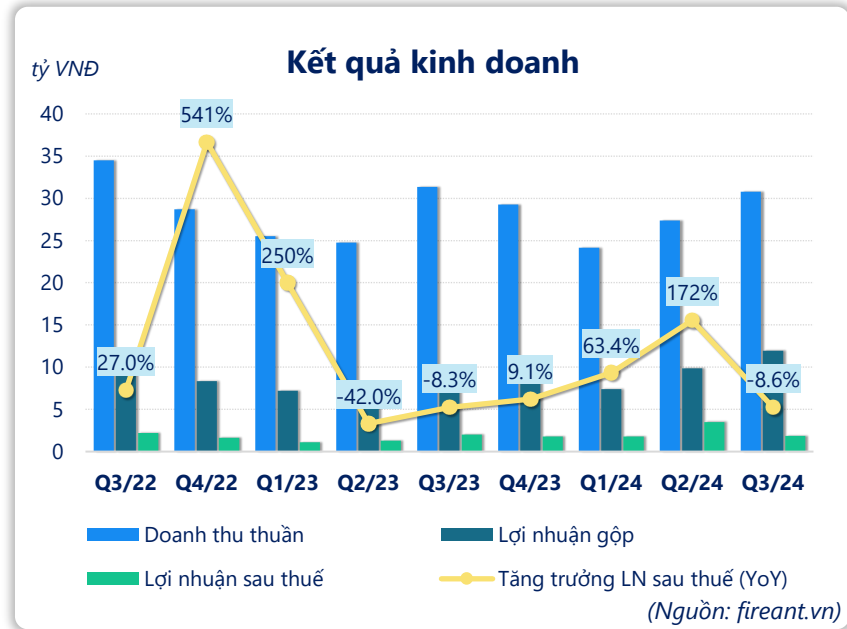


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		9,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,500
SL cổ phiếu LH		5,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		440
% sở hữu nước ngoài		3.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		45
P/E		5.0
EPS		1,785

	YTD	1T	3T	6T
MKV	-16.7%	0.0%	-5.3%	-2.2%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	112	98.3	13.8%
Tài sản ngắn hạn	79.0	61.9	27.5%
Tiền và tương đương tiền	11.7	9.19	27.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.00	6.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	44.9	33.1	35.6%
Hàng tồn kho	15.6	13.0	20.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.78	0.65	18.4%
Tài sản dài hạn	33.0	36.4	-9.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	31.2	34.4	-9.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.78	2.02	-11.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	25.0	18.5	34.9%
Nợ ngắn hạn	25.0	18.5	34.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	6.41	4.83	32.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	86.9	79.8	8.9%
Vốn chủ sở hữu	86.9	79.8	8.9%
Vốn điều lệ	50.0	50.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	31.4	29.3	24.1	27.4	30.8
Giá vốn hàng bán	22.6	20.5	16.7	17.5	18.8
Lợi nhuận gộp	8.77	8.77	7.40	9.86	11.9
Doanh thu HĐTC	0.11	0.07	0.07	0.12	0.15
Chi phí TC	0.88	0.74	0.66	0.73	0.83
Chi phí lãi vay	0.03	0	0	0.03	0.01
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.62	4.20	2.74	3.01	7.13
Chi phí QLDN	1.85	1.65	1.86	1.87	1.82
LN thuần từ HĐKD	2.53	2.25	2.22	4.38	2.32
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	0.00	0.00	-0.01
LN trước thuế	2.54	2.25	2.22	4.38	2.31
Lợi nhuận sau thuế	2.03	1.80	1.78	3.50	1.85
LNST của CĐ cty mẹ	2.03	1.80	1.78	3.50	1.85

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.21	4.66	0.71	-1.46	7.94
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.40	0.07	0	0.16	0.15
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.80	0	0	5.01	-10.0
Tiền đầu kỳ	3.44	4.46	9.19	9.90	13.6
Lưu chuyển tiền thuần	1.02	4.73	0.71	3.71	-1.93
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.46	9.19	9.90	13.6	11.7

(Nguồn: fireant.vn)